

PHÁT TRIỂN HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ TRONG NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM

Phạm Thị Thu Hà*

Ngày nhận: 25/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/10/2014

Ngày duyệt đăng: 4/11/2014

Trên cơ sở phân tích sự cần thiết và thực trạng đầu tư theo hình thức PPP trong ngành điện Việt Nam, bài viết chỉ ra những rào cản và đề xuất hướng tháo gỡ có liên quan tới cả Nhà nước và tư nhân để thúc đẩy sự phát triển hệ thống điện theo hình thức PPP. Cụ thể là cần có một cơ chế đảm bảo cam kết chính trị rõ ràng từ các cấp lãnh đạo cho sự phát triển của PPP; hoàn thiện khung chính sách, quy định và pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia PPP; nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước đối với hình thức PPP; tăng cường năng lực giám sát và đánh giá đầu tư; xây dựng ngân hàng dữ liệu về PPP; tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư; đồng thời tăng cường năng lực của khu vực tư nhân.

Từ khóa: Đầu tư; Hình thức đối tác công tư; Phát triển hệ thống điện;

Development of the public private partnership in Vietnam power industry

Abstracts:

On the basis of analyzing the necessity and the reality of PPP investment in the power industry of Vietnam, the article points out the barriers and proposes some solutions to involve both public and private sectors to promote the development of the power system under PPP. Specifically, there should be a clear mechanism to ensure the political commitment from senior leaders for the long-term development of PPP; improving the framework of policies, laws and regulations to guarantee an effective implementation of the investment process, balancing the interests of the parties involved in the PPP investment; enhancing the State management apparatus for PPP; strengthening the skills to monitor and evaluate PPP investment; creating the information database for the interested parties of PPP; strengthening promotion of investment; and also enhancing the private sector's capabilities.

Key words: Investment, Public-Private Partnership (PPP), Development of power system.

1. Đặt vấn đề

Ngành điện Việt Nam đã có lịch sử hoạt động 60 năm theo mô hình độc quyền nhà nước. Cho đến những năm đầu thế kỷ 21, ngành điện cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ của mình với việc luôn đáp ứng đủ nhu cầu điện năng cho các ngành kinh tế, không ngừng mở rộng phạm vi phục vụ sinh hoạt của người dân với giá tương đối rẻ. Hệ thống điện quốc gia đã bao phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước với 98,63% số xã và 97,31% số hộ gia đình được cung cấp điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, 2011). Có thể nói, đây là một thành tích đáng ghi

nhận của ngành điện Việt Nam, đặc biệt nếu chúng ta xét đến trình độ và xuất phát điểm phát triển của Việt Nam.

Tuy nhiên, do nhu cầu điện ngày càng tăng cao, dẫn đến cần phải đầu tư nhiều hơn cho phát triển hệ thống điện. Theo quy hoạch phát triển điện lực mới nhất được phê duyệt (Tập đoàn điện lực Việt Nam, 2011), trong giai đoạn 2011-2030 bình quân mỗi năm cần phải đầu tư trên 5,5 tỷ USD cho phát triển hệ thống điện quốc gia. Với nhu cầu vốn đầu tư cao như vậy, khả năng đáp ứng từ nguồn vốn tích lũy của ngành và ngân sách nhà nước là không thể.

Ngành điện tắt yếu phải huy động vốn từ nhiều nguồn vốn khác nhau cả trong và ngoài nước. Để thực sự thu hút được các nhà đầu tư vào ngành, cần có một cơ chế phù hợp với những chính sách cụ thể rõ ràng và ổn định. Trong bối cảnh như vậy, phải làm thế nào để đối tác công - tư (PPP) thực sự trở thành đòn bẩy đối với các nguồn lực tài chính và chuyên môn từ khu vực tư nhân. Để làm được điều đó trước hết, bài viết này sẽ luận giải rõ ràng sự cần thiết phải phát triển đầu tư theo hình thức PPP trong ngành điện Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thực trạng đầu tư theo hình thức PPP trong ngành điện Việt Nam, phát hiện các rào cản, các hạn chế và nguyên nhân, bài viết đề xuất cơ chế, chính sách có đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào phát triển hệ thống điện.

2. Sự cần thiết phải phát triển đầu tư theo hình thức PPP trong ngành điện Việt Nam

2.1. Nhu cầu đầu tư theo PPP

Trong giai đoạn 2006 – 2010, đầu tư hàng năm vào kết cấu hạ tầng kỹ thuật của Việt Nam chiếm từ 9 -10% GDP. Ngành điện nhận được trên 20% tổng số vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tương đương với khoảng 3 tỷ USD/năm (khoảng 2,1% GDP). Với nỗ lực đầu tư đó, ngành điện Việt Nam đã có bước phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, với tốc độ tăng điện thương phẩm bình quân giai đoạn 2006-2010 là 13,74%/năm (tăng gấp gần 2 lần so với tốc độ tăng trưởng kinh tế 7%/năm) (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, 2011).

Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng nói chung, hệ thống điện của Việt Nam nói riêng vẫn chưa đáp ứng được

nhu cầu phát triển. Ban chấp hành Trung ương khóa XI (2012) chỉ rõ “hệ thống kết cấu hạ tầng ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, kém tính kết nối, hiện đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển”. Tình trạng kết cấu hạ tầng kém phát triển được xem là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường đầu tư của Việt Nam. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới 2013-2014, Việt Nam đứng thứ 95 trong số 148 quốc gia được xếp hạng trên thế giới về chất lượng cung ứng điện, sau hầu hết các nước trong khu vực (Bảng 1).

Theo báo cáo của Viện Năng lượng (Năng lượng Việt Nam, 2013), từ nay đến năm 2020, mỗi năm ngành điện phải đầu tư khoảng 7,5 tỷ USD (5% GDP) để đưa vào vận hành 5.000 MW mới, xây dựng nhiều công trình trạm và đường dây, giai đoạn 2020 - 2030 cần tới 8,3 tỷ USD/năm (Xem bảng 2). Tại buổi Đối thoại cấp cao lần thứ nhất giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) (ngày 21/03/2013) về thúc đẩy các dự án PPP tại Việt Nam, Bộ trưởng Bùi Quang Vinh cho biết khả năng đáp ứng theo cách truyền thống từ ngân sách chỉ khoảng 50-60%. Việc tăng cường thu hút vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, kể cả trong nước và nước ngoài nhằm góp phần giảm áp lực đối với nguồn vốn nhà nước trở nên vô cùng cấp bách, kỳ vọng bù đắp 40-50% khoản vốn thiếu hụt (Cục Đầu tư nước ngoài, 2014).

Được định nghĩa như “là việc thực hiện các dự án trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận về quyền, trách nhiệm và phân chia rủi ro giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để đầu tư, xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, quản lý, vận hành công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công”,

Bảng 1: So sánh chất lượng cung ứng điện Việt Nam với một số nước trong khu vực và các loại hình hạ tầng khác

Quốc gia	Dân số (triệu người)	GDP (tỷ USD)	GDP USD/người	GCI 2013 - 2014	Kết cấu hạ tầng tổng hợp	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Điện	Đường bộ	Đường sắt	Cảng	Hàng không
Việt Nam	87,8	138,1	1.528	70	110	82	95	102	58	98	2
Campuchia	14,2	14,3	934	88	86	101	112	80	91	81	90
Indonesia	242,3	878,2	3.592	38	82	61	89	78	44	89	68
Lào	6,3	9,2	1.446	81	65	84	61	65	-	137	76
Malaysia	28,9	303,5	10.304	24	25	29	37	23	18	24	20
Philippine	94,9	250	2.614	59	98	96	93	87	89	116	113
Singapore	5,2	276,5	51.162	2	5	2	8	7	10	2	1
Thailand	69,5	365,6	5.678	37	61	47	58	42	72	56	34
Hàn Quốc	49,8	1.155	23.113	25	23	11	39	15	8	21	22
Nhật Bản	127,8	5.964	46.736	9	14	9	34	12	1	30	37
Trung Quốc	1344,1	8.227	6.076	29	72	48	67	54	20	59	65

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ World Economic Forum (2013)

Bảng 2: Tổng hợp vốn đầu tư cho ngành điện giai đoạn 2011-2030

Đơn vị: Tỷ USD

Giai đoạn	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030	2011-2030
Tổng vốn đầu tư	29.321	39.353	39.349	48.280	156.303
Bình quân hàng năm	5.864	7.871	7.870	9.656	7.815
Đầu tư nguồn điện	22.076	28.830	27.005	32.441	110.322
Bình quân hàng năm	4.415	5.766	5.401	6.482	5.516
Đầu tư lưới điện	7.245	10.523	12.345	15.868	45.981
Bình quân hàng năm	1.449	2.105	2.469	3.174	2.299
Tỷ trọng tổng vốn	100%	100%	100%	100%	100%
Nguồn điện	75,3%	73,3%	68,6%	67,1%	70,6%
Lưới điện	24,7%	26,7%	31,4%	32,9%	29,4%

Nguồn: Năng lượng Việt Nam, 2013

PPP đã được thực hiện thành công ở nhiều nước trên thế giới như Anh, Hàn Quốc, Úc, Ấn Độ, Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc,... So với các phương thức đầu tư truyền thống, đầu tư theo hình thức PPP có ưu thế do: (1) thu hút được vốn đầu tư tư nhân, đẩy mạnh đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ có thu phí, (2) góp phần ổn định ngân sách nhà nước nhờ giảm chi cho khu vực công, cho phép tăng chi tiêu công cho các lĩnh vực xã hội, tăng thu ngân sách qua nguồn thu thuế và phí, (3) tăng khả năng tiếp cận hàng hóa với chất lượng cao hơn và hiệu quả đầu tư lớn hơn nhờ cạnh tranh, sử dụng được kỹ năng, công nghệ hiện đại và tính hiệu quả của khu vực tư nhân, (4) Cải thiện hoạt động quản lý, giúp chia sẻ rủi ro cho các đối tác có năng lực nhất, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, góp phần chống tham nhũng và lãng phí.

2.2. Khả năng đáp ứng của đầu tư theo PPP

Trên thế giới, năng lượng luôn là lĩnh vực thành công nhất trong đầu tư theo hình thức PPP. Trong giai đoạn 2000-2009, tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, năng lượng thu hút 35% vốn đầu tư theo PPP (63 tỉ USD) trong khu vực, tiếp theo là viễn thông với 30% vốn đầu tư PPP (54 tỉ USD), lĩnh vực giao thông chỉ chiếm khoảng 25% (46 tỉ USD) (Lâm Văn Triên, 2010).

Tại phiên đối thoại cấp cao lần thứ nhất giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) về thúc đẩy các dự án PPP tại Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 21/3/2014, ông Hiroshi Wanatabe - Tổng Giám đốc JBIC đã khẳng định triển vọng phát triển PPP tại Việt Nam. Theo khảo sát của JBIC năm 2012 (Cục Đầu tư nước

ngoài, 2014), Việt Nam đứng thứ 5 và được xếp là quốc gia triển vọng cho hoạt động tại nước ngoài về trung hạn và dài hạn tại khu vực Đông Nam Á. Theo đó, các nhà đầu tư Nhật Bản có nguyện vọng và được JBIC khuyến khích đầu tư vào Việt Nam theo hình thức PPP.

Các nhà đầu tư tư nhân đã và đang sẵn sàng vào cuộc với những dự án xây dựng nhà máy điện cụ thể. Chẳng hạn, Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1 theo hình thức BOT với đối tác tư nhân là Tập đoàn Sumitomo được dự định khởi công vào 8/2015 và vận hành vào 10/2019. Nhà máy nhiệt điện Nam Định theo hình thức BOT với đối tác tư nhân là Liên doanh giữa Hashinco và Taekwang Vina được dự định khởi công giai đoạn 1 vào 2016 và vận hành vào 2017,... (Xem bảng 3). Tập đoàn Samsung đang có kế hoạch khảo sát 5 dự án nhà máy điện là Quỳnh Lập 2 (Nghệ An), Vũng Áng 3 (Hà Tĩnh), Quảng Trạch 2 (Quảng Bình), Sông Hậu 3 (Hậu Giang), Kiên Lương (Kiên Giang) nhằm chọn ra một dự án phù hợp để đầu tư. Ngày 1/8/2013, Chính phủ đã có văn bản số 6398/VPCP-QHQT giao Bộ Công Thương nghiên cứu lựa chọn một dự án điện để hợp tác với Tập đoàn Samsung (Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 2013). Tháng 9/2013, Công ty Sembcorp (Singapore) và Bộ Công Thương đã ký biên bản ghi nhớ phát triển dự án Nhiệt điện Dung Quất công suất 1.200 MW (Quảng Ngãi) với tổng vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD. Tập đoàn Tata (Ấn Độ) cũng đang quan tâm đến dự án nhiệt điện Long Phú 2 (Sóc Trăng) công suất 1.200 MW. Rõ ràng, việc kiên trì theo đuổi mục tiêu giá điện theo cơ chế thị trường của Nhà nước Việt Nam đã bắt đầu hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân và đây có thể là giải pháp

Bảng 3: Các dự án PPP trong ngành điện

S TT	Tên dự án	Tổng sơ đồ	Loại hình	Công suất (MW)	Đối tác	Hiện trạng		
						Đã xây dựng	Thực hiện theo BOT	Thông tin khác
1	Xekaman 3	6	Thủy điện	248	CTCPTĐ Việt Lào	x	x	Đã vận hành thương mại
2	Vinh Tân 1	6,7	NĐ than	1200	CSG	x	x	
3	Mông Dương	6,7	NĐ than	1200	ASE	x	x	Đã vận hành
4	Than Sơn Mỹ	6	NĐ than	3600	BOO		x	
5	Nghi Sơn 2	6,7	NĐ than	1200	Đấu thầu BOT		x	
6	Ô Môn 2	6	TBK	750	Đấu thầu BOT		x	Giải phóng mặt bằng tìm nhà thầu
7	Than Kiên Giang 2	6	NĐ than	1200			x	
8	Miền Nam	6	TBK	2250			x	
9	Sekông 4	6	Thủy điện	475	BOT Lào		x	
10	Than Kiên Giang 2	6	NĐ than	1200			x	Giải phóng mặt bằng tìm nhà thầu
11	Than Kiên Giang 2	6	NĐ than	2000			x	Giải phóng mặt bằng tìm nhà thầu
12	Xekaman 4	7	Thủy điện	64	BOT		x	
13	Xekaman 2	7	Thủy điện	200	BOT (Campuchia 50%)		x	
14	Hải Dương	7	NĐ than	1200	Jack- Resource Malaisia	x	x	
15	Vân Phong 1	7	NĐ than	1320	Sumitomo		x	Khởi công cuối 2014
16	Vinh Tân 3	7	NĐ than	1320	Công ty CPNL Vinh Tân 3		x	Khởi công cuối 2015
17	Sekông	7	Thủy điện	192	EVN- BOT		x	
18	Vũng Áng	7	NĐ than	1200	VAPCO	x	x	
19	Nam Định	7	NĐ than	2400	Tai Kwang - Hàn Quốc		x	Khởi công năm 2015
20	TBKHH Sơn Mỹ 1	7	TBK	1950	IP-Sojizt Pacific		x	
21	Duyên Hải	7	NĐ than	1200	Janakuasa	x	x	
22	NĐ Quảng Trị	7	NĐ than	1200	BOT		x	
23	Nậm Theun 1	7	Thủy điện	400	EVN- BOT		x	
24	Hạ Sê San 3	7	Thủy điện	180	EVN- BOT		x	
25	Vũng Áng 3	7	NĐ than	2400	BOT		x	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2007 và 2011)

Từ bảng 3 ta có thể tổng hợp thông tin như sau:

Chi tiêu	MW	%
Tổng công suất	30.549	100
Tổng công suất nhiệt điện	28.790	94,24
Tổng công suất thủy điện	1.759	5,76

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2007 và 2011)

giải quyết tận gốc bài toán thiếu điện.

Từ bảng 3 ta có thể tổng hợp thông tin như sau:

Các nhà đầu tư trong nước và quốc tế đã và đang tìm kiếm các cơ hội triển khai dự án PPP trong

ngành điện tại Việt Nam, tuy nhiên họ sẽ chỉ tích cực tham gia vào các dự án này nếu Nhà nước có đủ năng lực để áp dụng PPP và thiết lập được một môi trường khuyến khích tính hiệu quả và sáng tạo của khu vực tư nhân.

3. Thực trạng đầu tư theo PPP trong ngành điện Việt Nam

3.1. Hình thức đầu tư theo PPP còn rất khiêm tốn

Với dự án nhà máy điện Phú Mỹ 3 được khởi công xây dựng 11/2001 và vận hành vào 3/2004, PPP bắt đầu được áp dụng trong ngành điện Việt Nam. Nhà nước Việt Nam đã bước đầu tạo khuôn khổ chính sách và pháp lý cho áp dụng PPP vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nói chung và ngành điện nói riêng. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030; các văn bản pháp luật như: Luật Điện lực (Quốc hội, 2004), Luật Đầu tư (Quốc hội, 2005), Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 (Chính phủ 2009), Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2010) đã tạo điều kiện nhất định cho triển khai các dự án PPP trong ngành điện. Tính đến thời điểm hiện tại có 8 dự án PPP trong lĩnh vực điện năng đã và đang được thực hiện với tổng số vốn là 112.773 tỷ đồng với sự tham gia của khu vực tư nhân cả trong và ngoài nước như: điện Phú Mỹ 3, điện Phú Mỹ 2-2, thủy điện Tả Trạch,... (Xem bảng 3). Thực hiện quy hoạch điện VI và VII, rất nhiều dự án điện lớn đang được xúc tiến và dự kiến triển khai theo hình thức PPP như: nhiệt điện Vũng Áng 2, nhiệt điện Vân Phong, nhiệt điện Mông Dương 2 (Xem bảng 3).

Với nhu cầu lớn, khả năng đáp ứng lợi ích của các nhà đầu tư cao và rủi ro thấp hơn các ngành khác, PPP ngành điện trong giai đoạn tới được kỳ vọng sẽ phát triển mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng đáng kể trong cung cấp điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các dự án theo hình thức PPP trong ngành điện Việt Nam có các đặc trưng cơ bản sau:

- Được thực hiện ở cả ba miền của đất nước, có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án đầu tư theo hình thức PPP đã góp phần làm giảm thiếu hụt điện năng và gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2001- 2014, nguồn vốn ngoài nhà nước chiếm khoảng 12% tổng vốn đầu tư cho phát triển nguồn điện với một số dự án đầu tư lớn. Điện Phú Mỹ 3 và 2-2 đóng góp đến 8% tổng công suất hệ thống điện Việt Nam (Mai Phương 2014). Các dự án thủy điện theo hình thức PPP đã tạo công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc, góp phần đáng kể tăng thu ngân sách cho các tỉnh miền núi, cải tạo hệ thống đường giao thông, cảnh quan, môi trường cho địa phương, tạo đà phát triển

kinh tế cho vùng cao, cũng như tăng cường an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

- Tỷ trọng vốn nhà nước thấp làm cho các dự án mang đúng tính chất của PPP, giảm gánh nặng tài chính của Nhà nước. Vai trò của các nhà đầu tư tư nhân trong các dự án PPP được nâng cao khiến các yếu tố tạo nên tính hiệu quả của khu vực tư nhân được phát huy.

- Được chuyển giao các công nghệ hiện đại trong việc xây dựng, lắp đặt nhà máy điện và đều đạt được yêu cầu về chất lượng do chủ đầu tư đặt ra. Chẳng hạn, dự án nhà máy điện Phú Mỹ 3 được lắp đặt với công nghệ mới nhất bao gồm hai tuốc bin khí, hai hệ thống lò thu hồi nhiệt để sản xuất hơi nước và một tuốc bin hơi do công ty Siemens AG xây dựng cung cấp một nguồn điện sạch hiệu quả và bền vững.

- Được thực hiện theo hình thức BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BOO (Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh). Các hình thức như BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh), BT (Xây dựng - Chuyển giao), BTL (Xây dựng - Chuyển giao - Thuê lại), DB (Thiết kế - Xây dựng), DBFO (Thiết kế - Xây dựng - Đầu tư - Kinh doanh) chưa được triển khai.

- Là hợp tác giữa Nhà nước với các nhà đầu tư lớn. Đối tác tư nhân trong các dự án điện lớn như Phú Mỹ 3, Phú Mỹ 2-2, Hải Dương hay Mông Dương 2 đều là các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực. Cũng chỉ các doanh nghiệp Việt Nam lớn như Tập đoàn Bitexco mới đủ năng lực tài chính, công nghệ, quan hệ và quản lý để đầu tư vào các dự án thủy điện nhỏ như Tả Trạch, Đắc My 4.

- Thường không đạt được tiến độ theo kế hoạch. Thời gian thực hiện dự án thường bị kéo dài, không đạt kế hoạch, nguyên nhân cơ bản là do khó thống nhất trong phân chia rủi ro; chậm trễ trong thu hồi đất dành cho dự án, trong huy động vốn; các thủ tục hành chính kéo dài trong đàm phán, trao thầu. Ví dụ, dự án Vũng Áng 2 vướng mắc trong việc phân chia chi phí cơ sở hạ tầng dùng chung và thỏa thuận về tuyến bến cảng than. Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1 do tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo (Nhật Bản) và Công ty cổ phần Đầu tư Công nghiệp - Xây dựng Hà Nội đề xuất, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc từ năm 2009. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, nhất là vướng mắc trong việc đàm phán hợp đồng BOT và trong vấn đề bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ, dự án bị đình trệ, kết quả là 7 năm trôi qua, hợp đồng BOT vẫn chưa được ký.

- Giá trị vốn đầu tư xây dựng công trình dự án thường lớn hơn tổng mức đầu tư xác định ban đầu, do đánh giá thấp giá trị của đất trong giai đoạn

nghiên cứu khả thi dự án, dự toán chi phí không chuẩn xác, chậm trễ trong đền bù và giải phóng mặt bằng, biến động thị trường đầu vào do lạm phát... Chẳng hạn, đối với dự án điện Phú Mỹ 3, tổng mức đầu tư được xác định ban đầu là 8.652 tỷ VND, sau đó tăng lên thành 9.450 tỷ VND. Tổng mức đầu tư của dự án điện Phú Mỹ 2-2 cũng phải điều chỉnh từ 8.104 tỷ VND lên 10.080 tỷ VND (Báo Công Thương điện tử, 2013).

- Tính minh bạch trong hoạt động của Nhà nước còn thấp, không đảm bảo cạnh tranh trong đầu tư các nhà máy điện. Các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân ít có điều kiện tiếp cận thông tin về các dự án có triển vọng. Hầu hết các dự án có tính khả thi cao đều được giao cho các doanh nghiệp nhà nước. Số dự án đầu tư theo hình thức PPP so với tổng số dự án đầu tư trong ngành điện còn ít. Tính đến tháng 3/2014, trong khoảng 300 dự án có sự hợp tác giữa nhà nước và tư nhân ở Việt Nam, chỉ có rất ít dự án thuộc ngành điện (Bích Thảo, 2014).

- Chưa thể chuyển giao rủi ro một cách hợp lý. Nhà nước vẫn là người đảm nhận phần lớn rủi ro như rủi ro bảo lãnh các khoản vay (GGU), rủi ro gắn liền với các hợp đồng mua bán điện (PPA). Với các rủi ro chuyển giao cho khu vực tư nhân, cũng chưa có cơ chế rõ ràng để các nhà đầu tư có thể dự báo, phòng ngừa và khắc phục rủi ro. Theo ông Yuichiro Robert Yoi - chuyên gia của JBIC (Bích Thủy, 2013) trong ngành điện thường xảy ra 10 rủi ro cơ bản như: từ phía nhà đầu tư, xây dựng công trình, vận hành và bảo dưỡng, cung cấp nhiên liệu, kết cấu hạ tầng hỗ trợ, thiên tai, chính sách, thị trường tài chính, hợp đồng mua bán điện, môi trường và xã hội. Khó thống nhất trong phân chia rủi ro là lý do chính làm cho việc đàm phán các hợp đồng PPP trong ngành điện thường bị kéo dài, trung bình lên tới 6 năm.

3.2. Những rào cản cần tháo gỡ

Những đóng góp đáng ghi nhận của PPP trong ngành điện xuất phát từ sự gặp gỡ giữa nhu cầu đầu tư cho phát triển nguồn điện ở Việt Nam và nhu cầu đầu tư của tư nhân theo hình thức PPP; những cố gắng của Nhà nước trong cải cách quản lý sự phát triển PPP; năng lực của khu vực tư nhân ngày càng

được nâng cao; sự hỗ trợ tốt hơn của các tổ chức quốc tế, các tổ chức tài trợ vốn và sự chấp nhận chi trả của người sử dụng điện năng.

Tuy nhiên cho đến nay, mức độ đầu tư của khu vực tư nhân vào ngành điện vẫn còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Số dự án được thực hiện theo PPP vẫn còn quá khiêm tốn so với tiềm năng và so với mong muốn ban đầu (Xem bảng 4).

Nguyên nhân của thực trạng trên xuất phát trong tất cả các giai đoạn của chu trình dự án, từ tất cả các bên có liên quan, cụ thể là:

- Thiếu cam kết chính trị rõ ràng từ các nhà lãnh đạo cấp cao cho sự phát triển dài hạn của hình thức PPP. Chưa có chiến lược phát triển PPP nói chung, PPP trong lĩnh vực năng lượng và ngành điện nói riêng.

- Khung chính sách, quy định và pháp luật chưa hoàn chỉnh, chưa đảm bảo thực hiện quá trình đầu tư một cách hiệu quả nhằm hiện thực hóa mục tiêu của cả Nhà nước và tư nhân. Nghị định 108/2009/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức BOT, BTO và BT (Chính phủ, 2009), và Nghị định 24/2011/NĐ-CP về sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP (Chính phủ, 2011) đưa ra các chính sách, quy định chung cho hợp tác nhà nước - doanh nghiệp (PBP) thông qua các hình thức BOT, BTO và BT với đối tượng tác động chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước. Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2010) mới là điểm khởi đầu cho việc xây dựng khung chính sách và pháp luật cho PPP dựa trên thông lệ quốc tế với những chính sách, quy định tối thiểu; chưa đảm bảo tính pháp lý dài hạn, chắc chắn cho các dự án.

Được kỳ vọng nhiều nhưng cho đến nay vẫn chưa có dự án theo hình thức PPP trong ngành điện nào được triển khai theo sự điều tiết của Quyết định 71/2010/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2010). Có thể nêu ra nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, chẳng hạn như: Tiêu chí lựa chọn dự án theo hình thức PPP chưa đầy đủ, rõ ràng, chưa có cơ chế khuyến khích nhà đầu tư tư nhân tự đề xuất dự án, chưa công bố được danh mục dự án; chưa có quy định về tiêu chí, quy trình lựa chọn hình thức hợp

Bảng 4: Cơ cấu các dự án PPP đã, đang và sẽ thực hiện trong ngành điện

Chi tiêu	MW	Cơ cấu %
Tổng công suất	30.549	100
Tổng công suất đã xây dựng	6.248	20,45
Tổng công suất đã đưa vào vận hành	1.448	4,74
Tổng công suất sẽ xây dựng trong 2014 và 2015	5.040	16,50
Tổng công suất còn chưa rõ	19.621	63,05

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2007 và 2011)

đồng dự án; chưa có quy định về phương pháp, trình tự đánh giá hồ sơ dự thầu đặc trưng cho PPP; chưa xác định nguyên tắc phân bổ rủi ro, chưa xác định đầy đủ rủi ro, phân bổ rủi ro chưa hợp lý; chưa phân biệt ưu đãi đầu tư theo hình thức PPP với hình thức khác, cơ chế giá điện vẫn chưa đủ hấp dẫn...

- Năng lực bộ máy quản lý nhà nước đối với hình thức PPP cũng như các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa cao: thành viên của Ban chỉ đạo PPP và Tổ công tác liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; mức độ tập trung quá cao trong quản lý sự phát triển PPP khi hầu hết trách nhiệm chính được trao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chưa phân tách rõ ràng vai trò của các cơ quan nhà nước với tư cách vừa là cơ quan quản lý nhà nước, vừa là cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chưa quy định rõ ràng phương thức phối hợp cũng như trách nhiệm giải trình của các bên liên quan; chưa có sự tham gia của khu vực tư nhân vào quá trình quản lý PPP.

- Năng lực giám sát và đánh giá đầu tư theo hình thức PPP còn yếu: khung giám sát và đánh giá theo định hướng kết quả chưa đầy đủ; thông tin thu được từ giám sát và đánh giá chưa được sử dụng một cách kịp thời để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh trong tất cả các bước của chu trình dự án; sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế.

- Chưa có ngân hàng dữ liệu về PPP cũng như đầu mối cung cấp dữ liệu, thông tin cho các bên có liên quan về mọi nội dung được quan tâm về PPP. Điều này làm cho việc tiếp cận thông tin là vô cùng khó khăn, cản trở quá trình ra quyết định của các chủ thể, đặc biệt là các nhà đầu tư tư nhân.

- Năng lực của khu vực tư nhân trong nước còn yếu: (1) Vốn tự có ít, khả năng huy động vốn không đa dạng, phụ thuộc nhiều vào vốn vay ngân hàng, (2) năng lực xây dựng, vận hành các công trình lớn, phức tạp yếu, (3) khó tiếp cận và xây dựng mối quan hệ với các cơ quan nhà nước liên quan, khó xây dựng và duy trì mối quan hệ với các tổ chức cấp vốn, (4) khả năng quản lý tài chính yếu, quản lý thời gian thường không đảm bảo, khó khăn trong khâu quản lý chất lượng... Điều này làm cho việc đầu tư vào các dự án lớn trong ngành điện chỉ trông chờ vào các nhà đầu tư nước ngoài.

4. Hướng đi nào cho phát triển hình thức PPP trong ngành điện?

Để PPP có thể trở thành một phương thức đầu tư hữu hiệu cho phát triển hệ thống điện, Nhà nước cần nhanh chóng hoàn thiện khung chính sách, pháp luật và bộ máy quản lý về đầu tư theo hình thức đối tác công tư theo hướng:

- Đảm bảo sự ủng hộ và cam kết về chính trị đối

với sự phát triển của hình thức PPP. Xây dựng chiến lược, quy hoạch năng lượng nói chung và điện lực nói riêng có tầm nhìn và nhất quán, trong đó khẳng định rõ vai trò, nguyên tắc áp dụng PPP trong phát triển hệ thống điện. Danh mục dự án có hiệu quả cao cần ưu tiên thu hút nguồn vốn theo hình thức PPP nhằm tăng khả năng gọi vốn từ khu vực tư nhân, đảm bảo đấu thầu cạnh tranh. Khi xây dựng quy hoạch điện cho giai đoạn kế tiếp, cần tính đến các bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình thực hiện quy hoạch các giai đoạn trước, đặc biệt là bài học về việc đảm bảo thực hiện cam kết từ các đối tác, nhất là đối tác công.

- Hoàn thiện chính sách, quy định đối với hình thức PPP ngành điện: Xác định rõ mục tiêu và nguyên tắc chính sách; hoàn thiện tiêu chí lựa chọn dự án PPP và loại hình hợp đồng dự án; sử dụng phương pháp phân tích “giá trị đồng tiền” để đánh giá dự án; có quy định về phương pháp, trình tự đánh giá hồ sơ dự thầu đặc trưng cho các dự án PPP; xác định đầy đủ rủi ro và nguyên tắc phân bổ rủi ro; thực hiện đầy đủ các ưu đãi đối với đầu tư theo hình thức PPP. Các chính sách ưu đãi đưa ra cần thiết thực và cụ thể, gắn liền với hợp đồng mua bán điện, hợp đồng thuê đất, hợp đồng cho vay vốn, chuyển đổi ngoại tệ, miễn thuế nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ các dự án theo hình thức PPP. Cần đặc biệt quan tâm đến chính sách giá bán điện do tác động trực tiếp của giá điện lên tính hấp dẫn của dự án theo hình thức PPP. Lộ trình khung điều chỉnh giá bán điện cũng cần được xây dựng và thống nhất trước trong hợp đồng PPP, theo hướng có lợi hơn cho các nhà đầu tư tư nhân.

- Đẩy nhanh việc ban hành Nghị định về đầu tư theo hình thức PPP, từ đó xây dựng Luật PPP. Để thực sự đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư tư nhân, Nghị định cần có những quy định cụ thể hơn về phân bổ trợ vốn của Nhà nước, bảo lãnh doanh thu tối thiểu, rủi ro chuyển đổi ngoại tệ và việc áp dụng khung pháp lý phù hợp. Sự hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về PPP tại Việt Nam sẽ tạo môi trường thuận lợi phát triển các dự án PPP trong đó có điện năng. Để các chính sách thực sự đi vào cuộc sống, ngay sau khi Nghị định về đầu tư theo hình thức PPP được ban hành, cần sớm có các quy định hướng dẫn cụ thể cho chu trình dự án PPP ngành điện như: quy trình xây dựng đề xuất dự án, phân tích hiệu quả dự án, lựa chọn và phê duyệt dự án, loại hình hợp đồng PPP, lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án. Việc xây dựng chính sách, pháp luật cần đảm bảo nguyên tắc ổn định và phát triển. □

- Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư theo hình thức PPP ngành điện: Tăng cường phân cấp trong đó Bộ Công thương với Tổng cục Năng lượng phải là cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính đối với các dự án PPP ngành điện; nhanh chóng thành lập bộ phận chuyên trách về PPP trực thuộc Tổng cục Năng lượng, hoạt động với tư cách là đầu mối điều phối, tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và giải quyết các vấn đề phát sinh trong chu trình dự án; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các nhà đầu tư; tăng cường sự tham gia và vai trò của Hội Điện lực Việt Nam (VEEA), Hiệp hội Năng lượng Việt Nam (VEA), các nhà đầu tư tư nhân vào quy trình hoạch định chính sách và pháp luật.

- Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá đầu tư theo hình thức PPP: Hoàn chỉnh khung giám sát và đánh giá theo định hướng kết quả và đảm bảo trách nhiệm giải trình gắn liền các bước của chu trình dự án; xây dựng cơ chế sử dụng kết quả của giám sát và đánh giá để điều chỉnh kịp thời hành động chưa phù hợp của các bên liên quan cũng như đưa ra các sáng kiến đổi mới.

- Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ cho phát triển các dự án đầu tư theo hình thức PPP. Hệ thống này cần thường xuyên cập nhật các thông tin có liên quan, đặc biệt là thông tin về quy hoạch, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo hình thức PPP, các quy định và mẫu chuẩn cho thực hiện các bước trong chu trình dự án, chính sách giá

bán điện. Hệ thống thông tin về PPP cần đảm bảo để các nhà đầu tư tư nhân cũng như các bên liên quan khác có thể tiếp cận thông tin một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đối với đầu tư theo hình thức PPP ngành điện. Cần thực hiện đồng bộ các hình thức xúc tiến đầu tư như: các hội nghị xúc tiến/hợp tác đầu tư đa phương và song phương; các hoạt động tập huấn về chính sách đầu tư; hoạt động xuất bản tài liệu hướng dẫn thủ tục đầu tư; thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án PPP. Cần sớm thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư theo hình thức PPP ngành điện, xây dựng trung tâm thành địa chỉ tin cậy trong cung cấp thông tin và các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.

Quy mô đầu tư lớn và tính chất phức tạp của các công trình ngành điện cho thấy hình thức PPP chỉ phù hợp với các đối tác tư nhân có tiềm lực tài chính dồi dào, có năng lực công nghệ, năng lực quan hệ và năng lực quản lý cao. Để tận dụng được cơ hội từ chính sách phát triển PPP trong ngành điện, các nhà đầu tư tư nhân cần: lựa chọn các dự án phù hợp; đa dạng hóa các kênh huy động vốn; nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực và thường xuyên đầu tư vào trang thiết bị, nâng cao khả năng thi công, triển khai dự án và vận hành công trình; quản lý rủi ro tối ưu; chủ động xây dựng quan hệ tương tác với các cơ quan nhà nước và các đối tác khác; tham gia các hiệp hội, các diễn đàn, hội nghị, hội thảo về PPP. □

Tài liệu tham khảo:

- Ban chấp hành Trung Ương khóa XI (2012), Nghị quyết số 13-NQ/TW, về *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*, ban hành ngày 16 tháng 1 năm 2012.
- Báo Công Thương điện tử (2013), *Nhà đầu tư ngoại: Tìm cơ hội tại các dự án điện Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://vian.com.vn/d612280/nha-dau-tu-ngoai-tim-co-hoi-tai-cac-du-an-dien-viet-nam>>
- Bích Thảo (13/3/2014), *PPP - Sự lựa chọn tất yếu và thông minh*. Báo Đầu thầu, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://muasamcong.vn/danh-muc-tin/Detail/ppp-su-lua-chon-tat-yeu-va-thong-minh>>
- Bích Thủy (2013), *Rủi ro và quản lý hiệu quả rủi ro dự án PPP*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://muasamcong.vn/danh-muc-tin/Detail/rui-ro-va-quan-ly-hieu-qua-rui-ro-du-an-ppp>>
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Dự thảo Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/DuThaoVanBan?piref135_27935_135_27927_27927.mode=reply&piref135_27935_135_27927_27927.id=927>
- Chính phủ (2009), Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, về *đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao*, ban hành

- ngày 27 tháng 11 năm 2009.
- Chính phủ (2011), Nghị định số 24/2011/NĐ-CP, *Sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao*, ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2011
- Công Việt (16/07/2014): *Ban hành Nghị định PPP trong quý 3/2014*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://baodientu.chinhphu.vn/Kinh-te/Ban-hanh-Nghi-dinh-PPP-trong-quy-3-2014/203782.vgp>>
- Cục Đầu tư nước ngoài (2014), *Đổi thoại cấp cao lần thứ nhất về thúc đẩy các dự án đối tác công – tư (PPP) tại Việt Nam giữa Bộ Kế hoạch và đầu tư và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/344/Doi-thoai-cap-cao-lan-thu-nhat-ve-thuc-day-cac-du-an-doi-tac-cong-%E2%80%93tu-PPP-tai-Viet-Nam-giua-Bo-Ke-hoach-va-dau-tu-va-Ngan-hang-Hop-tac-Quoc-te-Nhat-Ban>>
- Lâm Văn Triển (25/08/2010), *Thu hút vốn đầu tư PPP: Cần đổi mới cách làm*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <<http://mobile.thesaigontimes.vn/ArticleDetail.aspx?id=39319>>
- Mai Phương (11/07/2014), *Các nhà máy điện Phú Mỹ sản xuất 200 tỷ kWh*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <<http://icon.com.vn/vn-s83-120629-637/Cac-nha-may-dien-Phu-My-san-xuat-200-ty-kWh.aspx>>
- Năng lượng Việt Nam (2013), *Hội thảo khoa học trực tuyến “Vốn đầu tư cho các dự án điện của đất nước và các vấn đề cấp bách”*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <<http://nangluongvietnam.vn/news/vn/nhan-dinh-phan-bien-kien-nghi/ph%E1%BA%A3n-bi%E1%BA%B9n-ki%C3%A9n-ngh%E1%BB%8B/kien-nghi-von-cho-cac-du-an-dien-va-nhung-van-de-cap-bach.html>>
- Quốc hội (2004), Luật Điện lực, số 28/2004/QH11, Ban hành ngày 14 tháng 12 năm 2004.
- Quốc hội (2005), Luật Đầu tư, số 59/2005/QH11, ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2007), *Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025 (gọi tắt là Quy hoạch điện VI)*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <<http://www.evn.com.vn/Home/Detail/tabid/84/ItemId/1161/View/2/CateId/24/language/vi-VN/Default.aspx>>
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2011), *Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch điện VII)*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <<http://www.evn.com.vn/Home/Detail/tabid/84/ItemId/1259/View/2/CateId/24/language/vi-VN/Default.aspx>>
- Thời báo Kinh tế Sài Gòn (08/10/2013), *Ngành điện thu hút nhà đầu tư ngoại*, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2014, từ <http://sesanhpc.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=766:nganh-in-thu-hut-nha-au-t-ngoi&catid=177:s-kin-ni-bt&Itemid=267>
- Thủ tướng Chính phủ (2007), Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg, *về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến năm 2025*, ban hành ngày 18 tháng 07 năm 2007
- Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg, *về việc ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công – tư*, ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2010.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 1208/QĐ-TTg, *phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030*, ban hành ngày 21 tháng 07 năm 2011.
- World Economic Forum (2013): *Global Competitiveness Report 2013–2014*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2014, từ <http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2013-14.pdf>

Thông tin tác giả

***Phạm Thị Thu Hà**, Tiến sĩ, giảng viên chính

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kinh tế và Quản lý. Trường đại học Bách khoa Hà Nội

- Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế năng lượng, Kinh tế đầu tư, quản lý chi phí, quản lý dự án, quản lý rủi ro

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tài chính; Thị trường Tài chính Tiền tệ, Tạp chí Công thương

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: haptt.sem@gmail.com